

Đơn vị: VND

Mục	QUYỀN LỢI BẢO HIỂM	SỐ TIỀN BẢO HIỂM
<b>I. Quyền lợi: Tử vong và thương tật vĩnh viễn</b>		
<b>Tổng hạn mức bảo hiểm/ người/ năm</b> ( <i>NĐBH được quyền lựa chọn hạn mức bảo hiểm theo nhu cầu trong hạn mức sau</i> )		<b>Từ 100.000.000 đến 10.000.000.000</b>
1	Tử vong và thương tật toàn bộ vĩnh viễn do tai nạn ( <i>theo hạn mức bảo hiểm đã chọn ở mục I</i> )	Bồi thường tối đa
2	Tử vong và thương tật toàn bộ vĩnh viễn do ốm đau, bệnh tật ( <i>theo hạn mức bảo hiểm đã chọn ở mục I</i> )	Bồi thường tối đa
<b>II. Quyền lợi: Điều trị nội trú do ốm đau, bệnh tật, tai nạn</b>		
<b>Tổng hạn mức bảo hiểm/ người/ năm</b> ( <i>NĐBH được quyền lựa chọn hạn mức bảo hiểm theo nhu cầu trong hạn mức sau</i> )		<b>Từ 50.000.000 đến 500.000.000</b>
1	Chi phí giường bệnh/ ngày ( <i>tối đa không vượt quá 2% hạn mức bảo hiểm đã chọn ở mục II</i> )	Đã bao gồm trong mục II
2	Viện phí	Đã bao gồm trong mục II
2.1	Chi phí phẫu thuật	
2.2	Chi phí phòng mổ	
2.3	Chi phí bác sĩ phẫu thuật và chi phí gây mê	
2.4	Phòng chăm sóc đặc biệt (tối đa 30 ngày)	
2.5	Chi phí xạ trị hoặc hóa trị	Đã bao gồm trong mục II
3	Các chi phí y tế khác/ ngày ( <i>tối đa không vượt quá 3% hạn mức bảo hiểm đã chọn ở mục II</i> )	
3.1	Chi phí chẩn đoán	
3.2	Chi phí y tá chăm sóc, thuốc, vật dụng băng bó	
3.3	Chi phí cho máy chụp cắt lớp, chụp cộng hưởng từ (MRI), chụp X-Quang, và những kỹ thuật chẩn đoán hình ảnh hợp lý khác	Đã bao gồm trong mục II
3.4	Chi phí tư vấn và vật lý trị liệu cần thiết liên quan trực tiếp đến việc điều trị	
4	Cấy ghép nội tạng	Đã bao gồm trong mục II
5	Phẫu thuật tái tạo	Đã bao gồm trong mục II
6	Phẫu thuật cấy ghép	Đã bao gồm trong mục II
7	Chi phí chỗ ở cho người thân đi cùng ( <i>tối đa không vượt quá 2% hạn mức bảo hiểm đã chọn ở mục II</i> )	Đã bao gồm trong mục II
8	Chi phí tư vấn trước khi nhập viện (trong vòng 30 ngày trước khi nhập viện) ( <i>tối đa không vượt quá 2% hạn mức bảo hiểm đã chọn ở mục II</i> )	Đã bao gồm trong mục II
9	Chi phí điều trị sau khi xuất viện (trong vòng 45 ngày sau khi xuất viện) ( <i>tối đa không vượt quá 3% hạn mức bảo hiểm đã chọn ở mục II</i> )	Đã bao gồm trong mục II
10	Trợ cấp nằm viện (tối đa 60 ngày) ( <i>tối đa không vượt quá 0.1% hạn mức bảo hiểm đã chọn ở mục II</i> )	Đã bao gồm trong mục II
11	Y tá chăm sóc tại nhà (tối đa 15 ngày) ( <i>tối đa không vượt quá 2% hạn mức bảo hiểm đã chọn ở mục II</i> )	Đã bao gồm trong mục II
12	Dịch vụ xe cấp cứu	Đã bao gồm trong mục II
13	Hỗ trợ mai táng ( <i>tối đa không vượt quá 3.5% hạn mức bảo hiểm đã chọn ở mục II</i> )	Đã bao gồm trong mục II
<b>III. Quyền lợi: Bảo hiểm vượt mức cho điều trị nội trú với bệnh hiểm nghèo và tai nạn</b>		
<b>Tổng hạn mức bảo hiểm/ người/ năm</b> ( <i>NĐBH được quyền lựa chọn hạn mức bảo hiểm theo nhu cầu trong hạn mức sau</i> )		<b>Từ 50.000.000 đến 500.000.000</b>

<b>IV. Quyền lợi: Điều trị ngoại trú</b>		
<b>Tổng hạn mức bảo hiểm/ người/ năm (NDBH được quyền lựa chọn hạn mức bảo hiểm theo nhu cầu trong hạn mức sau)</b>		<b>Từ 5.000.000 đến 50.000.000</b>
1	Chi phí khám (khám tổng quát và chuyên sâu) cho 1 lần khám (tối đa không vượt quá 5% hạn mức bảo hiểm đã chọn ở mục IV)	Đã bao gồm trong mục IV
2	Chi phí y tế khác (điều trị tổng quát và chuyên sâu) cho 1 lần điều trị (tối đa không vượt quá 15% hạn mức bảo hiểm đã chọn ở mục IV)	Đã bao gồm trong mục IV
2.1	Chi phí chẩn đoán (xét nghiệm máu, chụp x-ray,...)	
2.2	Thuốc và vật dụng băng bó	
3	Điều trị hỗ trợ: Khám và điều trị được bác sĩ chỉ định và được thực hiện bởi chuyên viên chăm cứu, trị liệu cột sống, chuyên viên dinh dưỡng, trị liệu bằng phương pháp vi lượng đồng căn, trị liệu thiên nhiên, nắn xương khớp, vật lý trị liệu và Y học Trung Hoa (giới hạn năm) có giấy phép hành nghề hợp pháp (tối đa không vượt quá 5% hạn mức bảo hiểm đã chọn ở mục IV)	Đã bao gồm trong mục IV
4	Điều trị răng bị tổn thương do tai nạn/ vụ (tối đa không vượt quá 20% hạn mức bảo hiểm đã chọn ở mục IV)	Đã bao gồm trong mục IV
5	Chăm sóc và điều trị răng (tối đa không vượt quá 20% hạn mức bảo hiểm đã chọn ở mục IV)	Đã bao gồm trong mục IV

<b>V. Quyền lợi bổ sung: Thai sản và sinh con</b>		
<b>Tổng hạn mức bảo hiểm/ người/ năm (NDBH được quyền lựa chọn hạn mức bảo hiểm theo nhu cầu trong hạn mức sau)</b>		<b>Từ 25.000.000 đến 250.000.000</b>
1	Viện phí	Đã bao gồm trong mục V
2	Chi phí tiền phòng/ ngày (tối đa không vượt quá 2% hạn mức bảo hiểm đã chọn ở mục V)	Đã bao gồm trong mục V
3	Chi phí y tế/ ngày (tối đa không vượt quá 3% hạn mức bảo hiểm đã chọn ở mục V)	Đã bao gồm trong mục V
4	Kiểm tra trước và sau khi sinh (tối đa không vượt quá 2% hạn mức bảo hiểm đã chọn ở mục V)	Đã bao gồm trong mục V
5	Chăm sóc trẻ sơ sinh (tối đa không vượt quá 0.5% hạn mức bảo hiểm đã chọn ở mục V)	Đã bao gồm trong mục V

<b>VI. Quyền lợi bổ sung: Gia tăng số tiền bảo hiểm khi đi lại bằng phương tiện giao thông công cộng</b>		
1	Tai nạn khi tham gia phương tiện công cộng - <b>xe buýt</b>	200% mục I
2	Tai nạn khi tham gia phương tiện công cộng - <b>tàu, phà, tàu lửa</b>	300% mục I
3	Tai nạn khi tham gia phương tiện công cộng - <b>tàu bay</b>	400% mục I

<b>* Qui định: Thời gian chờ</b>		
1	Tai nạn	không
2	Ôm đau, bệnh tật	30 ngày
3	Bệnh có sẵn	Loại trừ
4	Chăm sóc thai sản & sinh con	365 ngày
5	Sảy thai & phá thai theo chỉ định của bác sĩ	60 ngày

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM FUBON (VIỆT NAM)  
Tầng 15 tòa nhà REE Tower, Số 9 Đoàn Văn Bơ, Q.4, TP. HCM ĐT: +84-28-3943 5678 FAX: ĐT: +84-28-3943 5363